

# ĐỀ THI LUY THUYẾT NGOẠI THẦN KINH Y5 2014

THỜI GIẠN: 45 PHÚT (45')

Trình nhận biết cách thức đặt máng đặt, đặt máng đầu chỉnh xác, nơi nhưng từ vô nghĩa, có thể dùng để làm câu hỏi

- A. 7
- B. 8
- ☒ C. 9
- D. 10
- E. 11

Chẩn đoán chụp CT Scan sọ não trong CTXN, điều nào sau đây không đúng

A. Có giải sọ chân thương

☒ B. Chảy máu mũi

C. Có dấu hiệu bầm máu sau tai

D. Đau đầu nhện và liên tục

E. Hướng lâm sàng (dùng cho câu 3&4&5):

Đàn ông 50 tuổi, được đưa đến bệnh viện sau một tai nạn giao thông. Khám lâm sàng ghi nhận bệnh nhân hôn mê, GCS=10 điểm, yếu 1/2 người phải dẫn nhẹ đồng tử bên trái, sưng to vùng thái dương trái.

(trên đầu lâm sàng, bệnh nghĩ đến bệnh nhất trên bệnh nhân này)

- A. Chấn thương sọ não, tụ máu ngoài màng cứng cấp tính thái dương phải
- B. Chấn thương sọ não, tụ máu dưới màng cứng cấp tính bán cầu phải
- ☒ C. Chấn thương sọ não, tụ máu ngoài màng cứng cấp tính thái dương trái
- D. Chấn thương sọ não, tụ máu dưới màng cứng cấp tính bán cầu trái
- E. Chấn thương sọ não, tụ máu ngoài màng cứng cấp tính tiểu não phải

Chẩn đoán cận lâm sàng tiếp theo nên tiến hành như sau:

☒ A. CT-Scanner sọ não không bơm thuốc cản quang.

B. MRI sọ não

C. XQ sọ

D. CT-Scanner sọ não có bơm thuốc cản quang

E. Chụp mạch máu não (Angiography)

Khi qua cửa lâm sàng của bệnh nhân này ghi nhận có khối máu tụ ngoài màng cứng thái dương trái nặng 40 gram kèm lớp máu tụ dưới màng cứng bên phải bề dày ~5mm, đường giữa di lệch sang phải ~5mm.

☒ A. Phẫu thuật cấp cứu, mở sọ lấy máu tụ ngoài màng cứng

B. Điều trị tại khoa hồi sức, cho thở máy, chống phù não, theo dõi tri giác và dấu thần kinh khu trú

C. Theo dõi, chụp lại CT-Scanner sau 2 giờ Phẫu thuật cấp cứu, mở sọ lấy máu tụ ngoài màng cứng

D. Phẫu thuật cấp cứu, mở sọ lấy máu tụ ngoài màng cứng bên trái và máu tụ dưới màng cứng bên phải

E. Phẫu thuật sau 24 giờ

Hướng lâm sàng (dùng cho câu 6&7): Bệnh nhân nam, 70 tuổi có tiền sử tăng huyết áp được điều trị liên tục từ 20 năm nay. Bệnh nhân được đưa vào bệnh viện vì yếu dần 1/2 người phải. Qua khai thác bệnh sử ghi nhận bệnh nhân có chấn thương đầu cách nay 1 tháng nhưng chỉ điều trị nội khoa, 2 tuần nay xuất hiện đau đầu tăng dần và yếu dần 1/2 người phải.

Chẩn đoán cận lâm sàng tiếp theo nên:

A. U não

B. 1/2 bên mạch máu não

☒ C. Máu tụ dưới màng cứng mạn tính

D. Xuất huyết không được nhận

E. Abscess não

Chẩn đoán cận lâm sàng tiếp theo nên tiến hành như sau:

A. CT-Scanner sọ não không bơm thuốc cản quang.

- A. 12 - 14
- B. 13 - 19
- C. 9 - 12
- D. 7 - 8
- E. 6 - 14

21. Đâu sai: Chưa cần xử.

- A. Trước chương làm sáng thường không thể hiệu và khó chẩn đoán
- B. Gây dân rùng ráo thái và tăng áp lực nội sọ
- C. Có thể diễn tiến cấp tính gây tử vong
- D. Trước chương có thể khác nhau ở tư thế và trẻ lớn
- E. Chưa B, C đúng

22. Hệ thống miễn dịch trẻ em:

- A. Thường chỉ phát triển được sau sinh
- B. Không liên quan yếu tố di truyền
- C. Đầu tư là dấu hiệu đặc hiệu nhất
- D. Tiến triển bình thường thay đổi theo thời gian
- E. Chỉ chẩn đoán được và điều trị nguyên nhân là đạt hiệu quả

23. Cơ chế bệnh diễn biến: Chưa cần xử.

- A. Bệnh tiến triển quá mức dịch não tủy (DNT)
- B. Do u tủy gây tắc nghẽn lưu thông
- C. Tiến triển lâm sàng cấp tính DNT thường gặp sau viêm màng não, xuất huyết dưới nhện
- D. 1. đau rên mặt mạc thường gây đau mức thông thường
- E. Sự cân bằng giữa hấp thụ, bài tiết DNT là tương đối

24. Lâm quan đến bệnh diễn biến:

- A. Phân biệt ở 3 tháng đầu thời kỳ bệnh tiến triển 3, 4 triệu
- B. Yếu tố nguy cơ hệ tiêu đường, cân bằng áp, tuần hoàn giữa
- C. Do hệ tiêu hóa phát triển trí tuệ do cơ chế tự tách cực
- D. Cho đến ngày nay VP chưa vẫn là phương pháp điều trị phổ biến
- E. Nếu không thể chẩn đoán sớm thời kỳ nguy hiểm phát hiện

25. Điều trị bệnh diễn biến: Chưa cần xử.

- A. Tỷ lệ tử vong vào nguyên nhân
- B. Tỷ lệ tử vong vào diễn tiến bệnh
- C. Phân biệt nội sọ sau mổ thường sau mổ đầu III rất nhiều quá trong bệnh diễn biến sau mổ
- D. Điều trị não khảm ở quan trọng
- E. Không cần điều trị do DNT sẽ tái lưu thông sau khi loại bỏ được nguyên nhân gây tắc nghẽn

26. Đặc điểm lâm sàng vi tủy - màng não: Chưa cần xử.

- A. Thường phát hiện ở trẻ sau sinh từ 6 tháng tuổi
- B. Gây ở vùng não lưng - cổ
- C. Có thể do dịch não tủy
- D. Có liên quan đến acid béo
- E. Đã nghiên cứu về không cần therapy

27. Đặc điểm lâm sàng trẻ em:

- A. Thường phát hiện ở trẻ sau sinh từ 6 tháng tuổi
- B. Gây ở vùng não lưng - cổ
- C. Có thể do dịch não tủy
- D. Có liên quan đến acid béo
- E. Đã nghiên cứu về không cần therapy

28. Đặc điểm lâm sàng trẻ em:

- A. Chưa B, C đúng
- B. Chưa A, C đúng
- C. Chưa B, C đúng
- D. Chưa B, C đúng
- E. Chưa B, C đúng



38. Hướng xử trí cấp cứu trên bệnh nhân này.
- Thăm sát vết thương nếu tổn thương dây thần kinh bàn phân thì cần may (la cầm máu và theo dõi làm).
  - Nếu tổn thương cả đứt dây thần kinh với vết thương cắt gọn thì tiến hành nối thần kinh tận tận lần.
  - Nếu vết thương cắt đứt dây thần kinh mà bàn đập nhiều thì tiến hành đóng vết thương và phẫu thuật thì ở

điền cơ sau đó.

sau 3 tuần.

① Tất cả 3 câu trên đều đúng.

② Tất cả 3 câu trên đều sai.

Bệnh cảnh lâm sàng (câu 37-39)

Bệnh nhân sau một đêm ngủ dậy thấy yếu tay trái nên nhập viện khám.

Bệnh nhân không dưới bàn tay cũng như các đốt ngón gần nhất.

Lâm sàng:

- Bệnh nhân không dưới bàn tay cũng như các đốt ngón gần nhất.
- Không dưới và dạng ngón tay còi
- Bệnh nhân không nắm ngón bàn tay được
- Giảm cảm giác nửa ngoài mu bàn tay và ngón cái
- Bàn tay bệnh nhân ở tư thế gồng cổ
- Các chức năng khác của bàn tay bình thường
- Các chức năng khác của bàn tay bình thường nhiều nhất là:

37. Dây thần kinh trên bệnh nhân này có khả năng tổn thương nhiều nhất là:

① Dây thần kinh quay

B. Dây thần kinh giữa

C. Dây thần kinh trụ

D. Dây thần kinh bì cánh tay trong

E. Dây thần kinh gian cốt trước

38. Cận lâm sàng nào cần thiết nhất nên được thực hiện trong trường hợp này

① Đo điện cơ hai tay.

B. Càng hướng từ khảo sát dây thần kinh.

C. X-quang xương cánh tay.

D. Siêu âm khảo sát động mạch bên tay trái.

E. Công hướng từ khảo sát cột sống cổ

39. Thái độ xử trí trên bệnh nhân này.

A. Không cần xử trí gì chỉ theo dõi.

① B. Tự theo kết quả cận lâm sàng đáng giá mức độ tổn thương thần kinh sẽ cho hướng điều trị phù hợp.

C. Nếu tổn thương thần kinh là neurapraxia thì cần phẫu thuật sớm giải ép thần kinh

D. Nếu tổn thương là axonotmesis thì cần phẫu thuật sớm giải ép thần kinh

E. Nếu tổn thương là Neurotmesis thì chỉ cần điều trị nội và theo dõi định giờ lại sau vài tuần.

Bệnh cảnh lâm sàng (câu 40-44)

Bệnh nhân nam, 23 tuổi, bị té từ độ cao 5m chống hai gối chân khi tiếp đất, sau té bệnh nhân đau lưng nhiều và

yếu 2 chân nên được sơ cứu tại bệnh viện huyện và chuyển lên bệnh viện tuyến trên.

Khám: - Bệnh yêu hai chiền sau: C6/3/5

- Có cảm giác tê bì từ ngang thắt lưng trở xuống.

- Đã được đặt sonde tiểu tại tuyến huyện do có cầu bàng quang.

40. Phương pháp sơ cứu thích hợp nhất trên bệnh nhân này tại bệnh trường (chọn câu sai)

① A. Vết bệnh nhân ra khỏi bệnh trường và đưa tới bệnh viện cấp cứu càng tới.

B. Cần nhiều người di chuyển bệnh nhân thành một khối và khời hiện trường.

C. Cố thể dứt bệnh nhân trên cảm vắn để có định bệnh nhân.

D. Nên đặt hai tay cắt ở 2 bên đầu để cố định cột sống cổ.

E. Cố thể lộn tròn bệnh nhân thành một khối khi di chuyển.

41. Với cơ chế chấn thương như vậy các thương tổn thường gặp trên bệnh nhân này là:

A. Chấn thương xương gối, xương đùi, cột sống lưng

B. Chấn thương các tạng đặc như gan, lách thận.

C. Chấn thương tạng rong.

1. Khi có hiện tượng nhiễu xạ

A. Chỉ A, B đúng

B. Chỉ A, B, C đúng

C. Chỉ A, B, C đúng

2. Hiện tượng nhiễu xạ có sóng có thể xảy ra tại khe hẹp. Chọn câu sai:

A. Khe hẹp có thể trên đường giữa, vạch giữa với sóng

B. Khe hẹp

C. An toàn hình dạng tiến

A. Quan sát

3. An toàn sóng có thể xảy ra tại khe hẹp. Chọn câu sai:

A. Khi có thể tại khe hẹp

B. Khi có thể tại khe hẹp

C. Khi có thể tại khe hẹp

D. Khi có thể tại khe hẹp

E. Khi có thể tại khe hẹp

F. Khi có thể tại khe hẹp

G. Khi có thể tại khe hẹp

H. Khi có thể tại khe hẹp

I. Khi có thể tại khe hẹp

J. Khi có thể tại khe hẹp

K. Khi có thể tại khe hẹp

L. Khi có thể tại khe hẹp

M. Khi có thể tại khe hẹp

N. Khi có thể tại khe hẹp

O. Khi có thể tại khe hẹp

P. Khi có thể tại khe hẹp

Q. Khi có thể tại khe hẹp

R. Khi có thể tại khe hẹp

S. Khi có thể tại khe hẹp

T. Khi có thể tại khe hẹp

U. Khi có thể tại khe hẹp

V. Khi có thể tại khe hẹp

W. Khi có thể tại khe hẹp

X. Khi có thể tại khe hẹp

Y. Khi có thể tại khe hẹp

Z. Khi có thể tại khe hẹp

AA. Khi có thể tại khe hẹp

AB. Khi có thể tại khe hẹp

AC. Khi có thể tại khe hẹp

AD. Khi có thể tại khe hẹp

AE. Khi có thể tại khe hẹp

AF. Khi có thể tại khe hẹp

AG. Khi có thể tại khe hẹp

AH. Khi có thể tại khe hẹp

AI. Khi có thể tại khe hẹp

AJ. Khi có thể tại khe hẹp

AK. Khi có thể tại khe hẹp

AL. Khi có thể tại khe hẹp

AM. Khi có thể tại khe hẹp

AN. Khi có thể tại khe hẹp

AO. Khi có thể tại khe hẹp

AP. Khi có thể tại khe hẹp



B. Tiền hành phẫu thuật cấp cứu lấy nhân dẹt.

C. Nhập vào nội thần kinh dùng thuốc và tập vật lý trị liệu.

D. Lưu lại cấp cứu và gọi dùng thuốc giảm đau sau đó cho xuất viện điều trị ngoại trú.

E. Lưu lại cấp cứu và gọi dùng thuốc giảm đau sau đó cho xuất viện điều trị ngoại trú.

Từ câu 60 đến câu 64: gắn kết hội chứng với mô tả

A. Hội chứng chèn ép rễ L4

B. Hội chứng chèn ép rễ L5

C. Hội chứng chèn ép rễ S1

D. Hội chứng chèn ép chòm rễ thần kinh đuôi ngựa

E. Hội chứng chèn ép tủy ngực

60. Bn đau lan dọc mặt trước đùi, kèm theo tê mặt trước đùi, yếu động tác duỗi cẳng chân, giảm phản xạ gân

xương gót. L3-L4 = L4

61. Bn đau lan dọc mặt sau chân, tê cẳng chân bên chân, yếu cơ cẳng chân, mất phản xạ gân xương gót, giảm

62. Bn đau lan dọc mông sinh độc, yếu không kiểm soát, D

cam gác vùng mông-hậu mông sinh độc, yếu không kiểm soát, E

63. Bn tê dọc chân, yếu chân, tăng phản xạ gân xương gót và gót, có dấu Babinski, E

64. Bn đau dọc móng, mất sau ngoài đùi, mất ngoài cẳng chân, yếu động tác duỗi ngón chân cái, L5

Từ câu 65 đến 69: Gắn kết dấu hiệu với mô tả:

A. Lisegue

B. Hoffmann

C. Patrick

D. Spurling

E. L'hermitte

65. Hạng gập, gót gập, ngã gót vào trong hoặc ra ngoài, xuất hiện đau hoặc cứng khớp hông, C

66. Cúi hoặc ngửa đầu cảm thấy tê rần như điện giật dọc thân người, E

67. Ngửa cổ và đóng thời ngắn có vẻ bên đau, tăng đau dọc theo đường đi của dây thần kinh bên đau, D

68. Đau ngột làm gập đầu của ngón giữa, xuất hiện lập tức gập đầu ngón hai ngón 1&2, B

69. Chân duỗi, làm nâng chân, xuất hiện đau dọc theo đường đi của dây thần kinh, A

Từ câu 70 đến 73: Gắn kết mô tả lâm sàng với chẩn đoán

A. Hội chứng ngách bên (lateral recess syndrome)

B. Hẹp ống sống thắt lưng

C. Thoát vị đĩa đệm thắt lưng

D. Hội chứng chèn ép rễ C6

E. Hội chứng chèn ép rễ C5

70. Bn đau lan dọc chân, đau tăng lúc hạ, đau giảm lúc gấp gót và háng, dấu hiệu cứng rễ dương tính, C

71. Bn đi giảm dần khoảng cách và đi một khoảng cách phải nghỉ, lảo đảo đi tiếp, B

72. Bn xuất hiện đau theo đường đi của rễ thần kinh mỗi khi đi lại, cơ đồng thay đổi tư thế, A

73. Bn đau lan dọc cổ, vai, tay, tê ngón 1, yếu động tác duỗi cổ tay, E

Từ câu 74 đến 75: Gắn kết chẩn đoán và xử trí

A. Mô chóp cụt

B. Mô bán khảm

C. Điều trị bằng thuốc

D. Mô chướng trình

E. C & D

74. Hội chứng chèn ép chòm rễ thần kinh đuôi ngựa, A

75. Hội chứng chèn ép rễ thần kinh có kèm thay đổi vận động, cảm giác, phản xạ, B

HẾT

10

D. A - B đúng  
E. A - C đúng.

42. Vị trí thương tổn cột sống trên bệnh nhân này ở mức khớp:

A. D7

B. D10

C. L1

D. L5

E. Tất cả đều sai

43. Phân loại Frankel trên bệnh nhân này:

A. A

B. B

C. C

D. D

E. E

44. Cột làm sàng nên được thực hiện trên bệnh nhân này tại cấp cứu:

☒ A. X-quang cột sống ở vị trí thương tổn thấp, nghiêng.

B. Cột sống ở vị trí thương tổn thấp, nghiêng.

C. MRI cột sống ở vị trí thương tổn thấp, nghiêng.

D. A + B đều đúng.

E. A + C đều đúng.

Bệnh cảnh lâm sàng tiếp theo: (câu 45-46)

Hình ảnh cận lâm sàng trên bệnh nhân này cho thấy có vỡ toàn bộ thân đốt sống và có mảnh vỡ chèn vào ống sống gây chèn ép vào bao màng cứng của tủy gây hẹp >50 % đường kính ống sống.

45. Theo phân loại của Denis đây là loại gãy gì:

A. Gãy tủy thân.

☒ B. Gãy vỡ thân.

C. Gãy trật.

D. Gãy kiểu dây đai.

E. Tất cả đều sai.

46. Với hình ảnh cận lâm sàng này thì hướng điều trị tốt nhất cho bệnh nhân là:

A. Nhập khoa ngoại thần kinh theo dõi và điều trị nội.

B. Phẫu thuật cấp cứu giải ép ống sống.

☒ C. Nhập nội thần kinh điều trị nội và tập vật lý trị liệu.

D. Nhập nội thần kinh điều trị nội và tập vật lý trị liệu.

E. Tất cả đều sai.

Bệnh cảnh lâm sàng (47-50):

Bệnh nhân nữ 60 tuổi, có tiền căn tăng huyết áp điều trị không liên tục 5 năm nay. Sáng ngày nhập viện

bệnh nhân đột ngột đau đầu dữ dội sau đó bốn mẹ nên người ngã đờ vào viện cấp cứu.

Khám: Mạch 90/bp, HA 150/90 mmHg, T° 37°5

Bệnh tình, tiếp xúc rối chức

Mất trái sụp mí, dấu đồng tử, lệ ngoài

Cổ gồng, cổ đầu cứng.

Không yếu liệt chi

47. Với bệnh cảnh này chẩn đoán lâm sàng ở 60% ngôi trước nhất là:

A. Viêm màng não.

B. Viêm xoang họng.

C. Đột quỵ xuất huyết não.

☒ D. Xuất huyết không dưới nhện.



quát huyết não do tủy phình động mạch thông sau vở.

- Đ. Xuất huyết não do tủy phình động mạch thông trước vở  
1. Tất cả câu trên đều đúng

4. Hình ảnh học cần thiết trong trường hợp này là:

- A. CT- Angiography  
B. DSA mạch máu não  
C. Không cần thiết.  
D. A và B đều đúng  
E. A và B sai.

55. Nguyên tắc điều trị trong trường hợp này:

- A. Chỉ định phẫu thuật lấy máu tụ và giải quyết nguyên nhân xuất huyết.  
B. Nếu phát hiện nguyên nhân là tủy phình mạch máu não vở thì tiến hành can thiệp nội mạch.  
C. Điều trị nội khoa.  
D. A và B đều đúng  
E. Tất cả đều sai.

**Bệnh cảnh lâm sàng (từ câu 56-59)**

HX nam, 40 tuổi, bệnh có tiền căn đau lưng 3 năm nay, thỉnh thoảng khi đi lại nhiều bn thấy đau lan xuống chân trái. Trước nhập viện 1 ngày sau khi không tắm phau trong nhà, bn đột ngột đau vùng thắt lưng lan dọc xuống 2 chân và không đứng dậy được, được đưa đến phòng khám tư nhân tiêm thuốc giảm đau, sau tiêm thuốc bệnh có đỡ đau hơn nên về nhà nhưng do vẫn không đứng dậy được nên nhập viện cấp cứu.

- Tại phòng cấp cứu bệnh nhân khai thấy đỡ đau lưng nhiều, còn tê dọc xuống hai mông, mới đi tiểu được cách

2 giờ

Khám:

- Bệnh nhân không thể gấp đùi vào bụng được, lực cơ này bên trái 1/5, bên phải 3/5
- Các nhóm cơ khác của chi dưới bình thường 3/5
- Không có cảm bang quang
- Mất phản xạ gân và gót 2 bên
- Không dấu hiệu Babinski.

56. Trong trường hợp bệnh nhân này cần khám thêm dữ kiện lâm sàng gì để giúp định hướng chẩn đoán?

- A. Khám hậu môn, trực tràng (toucher rectal).  
B. An đọa cột sống lưng tìm điểm đau.  
C. Khám cảm giác xung quanh vùng hội âm.  
D. Khám các dấu hiệu căng rễ.

Đ. Tất cả các dữ kiện trên.

57. Căn lâm sàng cần thiết nhất cần thực hiện cấp cứu trong trường hợp này?

- A. Chọc dò dịch não tủy làm sinh hóa, tế bào, vi trùng.  
B. X-Quang cột sống lưng thẳng nghi ngờ.  
C. Chụp tủy sống đồ (Myelography)

Đ. MRI cột sống lưng.

E. CT- myelography.

58. Sau khi khảo sát cảm lâm sàng tại cấp cứu, chúng tôi phát hiện bệnh nhân có một khối thoát vị đĩa đệm lớn

trung tâm chèn ép vào rễ thần kinh. Theo Anh (Chị) vị trí thoát vị do nằm ở đâu?

- A. D12-L1  
B. L1-L2  
C. L2-L3  
D. L3-L4  
E. L4-L5

Đ. L3-L4

59. Với bệnh cảnh lâm sàng và hình ảnh học như trên thì hướng xử trí bệnh nhân này tại cấp cứu là?

A. Chuyển viện khoa ngoại thần kinh theo dõi và tiếp tục dùng thuốc giảm đau.

Đa hướng làm sáng (từng cho câu 14&15):

Đầu tiên năm 40 tuổi được đưa vào bệnh viện sau một tai nạn giao thông. Khám lâm sàng ghi nhận: mắt  
đỏ S 4.5, đi đít nói lú lẩn và đang bộp bộp giúp đỡ, đồng tử bên trái 5 mm, mắt phải 5 mm, đồng tử  
phải 5 mm, con mắt ứng với ánh sáng  
Mạch: 60 lần/phút, HA: 140/90 mmHg  
Sóng cơ vùng trán-thai dương trái

BX được chụp CT-Scanner sọ não có kết quả như sau: máu tụ ngoài màng cứng cấp tính trán-thai dương trái,  
khoảng 40 gram, đẩy lệch đường giữa sang phải 8 mm

14. Phương pháp điều trị đúng nhất

- A. Theo dõi, chụp lại CT-Scanner sau 4 giờ
- B. Điều trị tai khoa hồi sức, cho thở máy, chống phù não, theo dõi tri giác và dấu thần kinh khu trú
- ☒ C. Phẫu thuật cấp cứu mở sọ lấy máu tụ
- D. Theo dõi, chụp lại CT-Scanner sau 2 giờ
- E. Phẫu thuật sau 24 giờ

15. Bệnh nhân này được phẫu thuật mở sọ lấy máu tụ. Sau mổ 6 giờ, thêm khám lại bệnh nhân ghi nhận: mắt  
đỏ S 4.5, đi đít nói lú lẩn, mắt phải 5 mm, mắt trái 5 mm, đồng tử bên trái 5 mm, mắt phải 5 mm, đồng tử  
phải 5 mm, con mắt ứng với ánh sáng, mạch nhanh, HA không ổn định. Thái độ xử trí lúc

- A. Điều trị hèn sức nội khoa
- B. Phẫu thuật lại
- ☒ C. Chụp MRI não để xem có tổn thương sọ não hay không
- D. Dùng thuốc theo dõi áp lực nội sọ
- E. Không làm gì thêm, theo dõi sát

16. Những nhận định sau đây về u não, chọn câu sai.

- A. Khối u não là khối u ở não là u di căn
- ☒ B. Khối u não là khối u ở não là u di căn
- C. Khối u não là khối u ở não là u di căn
- D. Khối u não là khối u ở não là u di căn
- E. Khối u não là khối u ở não là u di căn

Tình huống lâm sàng (Dùng cho câu 17&18): Bệnh nhân nam, nghề nghiệp kỹ sư xây dựng, 44 tuổi đến  
khoa: khám sức khỏe hiện tại: người phân. Qua khám thực bệnh sử và thăm khám lâm sàng ghi nhận bệnh nhân có  
sốt cơ giới đầu tiên cách nay khoảng 2 tháng, cơn kéo dài khoảng 2 phút và có mất ý thức trong cơn, sau cơn  
trở lại bình thường. Cơn tương tự xảy ra cách nay 1 tuần và sau khi tỉnh lại bệnh nhân thấy tê 2 ngón bên phải

17. Chất được làm sáng phù hợp nhất

- A. Xuất huyết não
- B. U não
- ☒ C. Máu tụ dưới màng cứng mãn tính
- D. Tái phát mạch máu não
- E. Abscess não

18. Các cơn làm sáng cần làm để chẩn đoán trên bệnh nhân này một ưu nhất

- A. Điện não đồ
- B. Điện não đồ - huyết thanh chẩn đoán ký sinh trùng
- C. MRI não
- D. CT-Scanner não - điện não đồ
- ☒ E. Điện não đồ - MRI não

19. Các biện pháp muộn sau chấn thương sọ não, chọn câu đúng:

- A. Dùng kính
- B. Dùng nước (Hydrocephalus)
- C. Dùng thuốc
- D. Sử dụng thuốc kháng áp lực
- ☒ E. Tất cả đều đúng

20. Ưu điểm của điểm Glasgow, chọn phương án đúng: sọ não được xem là nặng khi số điểm là, chọn câu đúng:



E. Đóng mạch cảnh xoang hang

48. Cận lâm sàng cần thiết nhất trước bệnh cảnh này là:

A. Chọc dò dịch não tủy làm sinh hóa, tế bào vi trùng.

B. Chụp Ctescan sọ não không cản quang

C. Chụp MRI sọ não không cản từ.

D. Chụp DSA mạch máu não.

☒ E. Tất cả đều đúng

49. Nguyên nhân thường gặp nhất gây ra bệnh cảnh này là:

A. Viêm màng não nên gây liệt dây số.

B. Đóng mạch cảnh trong xoang hang gây liệt dây số

☒ C. Do vỡ túi phình động mạch thông sau bên trái.

D. Do vỡ túi phình động mạch não trước.

I. Do xuất huyết não gây tử não qua lều tiểu não bên trái.

50. Với bệnh cảnh lâm sàng và nguyên nhân như vậy cần cho bệnh nhân nhập vào khoa nào là phù hợp nhất:

☒ A. Ngoại thần kinh

B. Nội thần kinh

C. Hồi sức ngoại thần kinh

D. Khoa lão khoa

E. Nằm lại cấp cứu theo dõi và giữ khi tình trạng bệnh ổn định thì cho bệnh nhân xuất viện.

Bệnh cảnh lâm sàng (S1-S2):

Bệnh nhân nam, 55 tuổi có tiền căn CHA không rõ. Sáng ngày nhập viện bệnh nhân thấy đau đầu dữ dội sau đó hôn mê nên được người nhà đưa vào khoa cấp cứu bệnh viện.

Khám tại cấp cứu:

- Mạch 90 l/p, HA : 150/90 mmHg

- GCS = E2V4M5

- Liệt 1/2 người (T)

- Đồng tử 2 bên 3 mm, đáp ứng với phản xạ ánh sáng

- Cổ cứng-

51. Chẩn đoán sơ bộ trong trường hợp này:

A. Đột quỵ xuất huyết não chèn ép vùng vận động bên (P)

☒ B. Xuất huyết khoan dưới nhện

C. Xuất huyết tiểu não

D. Đột quỵ xuất huyết não chèn ép vào vùng vận động bên (T)

1. Tất cả đều đúng sai.

52. Cận lâm sàng cần thiết nhất trước bệnh cảnh này là:

A. CT-scan sọ não không cản từ

B. MRI sọ não không cản từ

C. DSA mạch máu não

D. Chọc dò DNT làm sinh hóa, tế bào, vi trùng

☒ E. Tất cả đều đúng

Bệnh cảnh lâm sàng (t1-t3-S5)

Nếu hình ảnh học trên bệnh nhân này phát hiện một khối máu tụ trong khe Sylvian (P), thể tích  $\approx 40\text{ml}$ , xuất huyết khoan dưới nhện kèm theo và gây đẩy lệch đường giữa sang trái 10mm thì:

53. Nguyên nhân thường gặp của xuất huyết này là:

A. Xuất huyết não do cao huyết áp.

B. Xuất huyết não do túi phình động mạch não giữa vỡ.

B. Điện não đồ

C. XQ sọ

D. CT-Scanner sọ não có bơm thuốc cản quang

E. Chụp mạch máu não (Angiography)

8. Máu tụ trong khoang cứng cấp tính do chấn thương sọ não, dấu nào sau đây đúng?

A. Đường kẻ nhợt nhạt dần

B. Có tiền lượng tốt hơn các loại máu tụ khác do chấn thương sọ não

C. Liên quan đến cơ chế chấn động dãn

D. Thường có máu trong DNT

E. Do đứt các tĩnh mạch liên lạc

9. Bệnh nhân nam 28 tuổi được đưa vào bệnh viện sau một tai nạn giao thông. Khám lâm sàng ghi nhận: hôn

mê (GCS = 7), đã đứt nội khí quản và đang bóp bóng giúp thở, đồng tử hai bên 4 mm, phản xạ ánh sáng (+), còn phản xạ mắt búp bê.

Mạch: 60 lần/phút, HA: 140/90 mmHg

Sưng nề vùng chẩm 2 bên.

BN được chụp CT-Scanner sọ não có kết quả như sau: dập não kèm máu tụ trong não trán hai bên, phù não lan tỏa, xóa các bể dịch não tủy trước cầu não.

Phương pháp điều trị đúng nhất

A. Phẫu thuật cấp cứu, mở sọ trần hai bên lấy máu tụ và giải áp

B. Điều trị tại khoa hồi sức, cho thở máy, chống phù não, theo dõi tri giác và dấu thần kinh khu trú

C. Theo dõi, chụp lại CT-Scanner sau 24 giờ.

D. Thở ống, chụp lại CT-Scanner sau 24 giờ.

E. Phẫu thuật sau 2 giờ.

10. Sau một CTSC, có mức trung chui ra từ mắt là do:

A. Viêm xương sai chấn thương

B. Vô sản sọ trước

C. Vô xương thái dương

D. Tắc lệ đạo sau chấn thương

E. Viêm mắt

Tình huống lâm sàng (dùng cho câu 11&12&13):

Bệnh nhân nữ, 30 tuổi, vào cấp cứu sau một tai nạn giao thông. Khám lâm sàng ghi nhận bệnh nhân tư đồ,

GCS = 14 điểm, không đau thần kinh khu trú, có vết thương da đầu không bầm ở vùng đỉnh trái phức tạp, thủng

sai vết thương thấy có vô xương sọ bên dưới và một ít nhu mô não.

11. Chẩn đoán lâm sàng trên bệnh nhân nữ:

A. Vết thương sọ não

B. Lún sọ bự

C. Vết thương sọ não hở

D. Chẩn đoán chưa đủ để chẩn đoán xác định

12. Sau khi có chẩn đoán xác định là vết thương sọ não, điều trị đúng trên bệnh nhân này là:

A. Nhảy vết thương tại phòng cấp cứu, dùng kháng sinh và cho về nhà

B. Nhảy vết thương kháng sinh dự phòng viêm màng não

C. Nhảy vết thương rửa và phẫu thuật khi có biến chứng

D. Nhảy vết thương kháng sinh dự phòng và phẫu thuật sau 1 tuần

E. Nhảy vết thương, phẫu thuật cấp cứu và dùng kháng sinh dự phòng viêm màng não

13. Trong những nguy cơ, biến chứng thường gặp và nguy hiểm đối với bệnh nhân này là:

A. Abscess não

B. Viêm màng não

C. Nhấn xuống huyết

D. Viêm não thùy

E. Động kinh